

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/DS- ST
Ngày: 28/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm, bà Trần Thị Dần

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST- DS, ngày 11 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2024/QĐST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - chức vụ: Chủ tịch HĐQT V1

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L – Chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ. (Văn bản ủy quyền số 58/2023/UQN-CTQT ngày 12/7/2023).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Hoàng L: Ông Nguyễn Đức T - Chuyên viên xử lý nợ.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1986

Chị Lê Thị M, sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/12/2023 của Ngân hàng TMCP V (V1) và bản tự khai ngày 04/4/2024 và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng V thì

Ngân hàng TMCP V (V1) có cho anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** vay ngân hàng hai khoản tiền cụ thể như sau:

Khoản thứ nhất:

Ngày 30/9/2020 anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** vay **Ngân hàng TMCP V** theo hợp đồng tín dụng số: LN2009242819916 với số tiền 160.768.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám đồng), lãi suất trong hạn là 8.99% năm, lãi suất cố định trong hạn 12 tháng; lãi quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng.

Khoản thứ hai:

- Ngày 28/9/2017 anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** vay theo Hợp đồng thẻ tín dụng số 235P- 730293 Hạn mức thẻ 50.000.000 đ (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; lãi suất trong hạn: áp dụng theo biểu lãi suất cho vay do **V1** quy định qua từng thời kỳ.

Đề thế chấp cho các khoản vay, anh **H**, chị **M** đã thế chấp 01 xe Ô tô nhãn hiệu TERACO, số máy 4G13S1MAMTS00344, số khung RM0BH17GLLC000151, biển kiểm soát 29H – 433.11 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 735039 do phòng CSGT giao thông **công an thành phố H** cấp ngày 29/9/2020 và các phụ tùng thiết bị. vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** để trả nợ cho ngân hàng.

Quá trình vay anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** đã trả được số tiền gốc và lãi là 125.702.666 đồng, trong đó:

- Tiền gốc là: 88.449.997 đồng;

- Tiền lãi là: 37.262.669 đồng.

Anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/3/2023 nên toàn bộ số dư nợ còn lại của hai khoản nợ trên bị Ngân hàng chuyển thành nợ quá hạn và chịu mức lãi quá hạn theo thỏa thuận.

Tạm tính đến ngày 25/12/2023 anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 204.473.086 đồng (Hai trăm linh tư triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn không trăm tám mươi sáu đồng).

- Nợ gốc: 72.328.003 đồng;

- Nợ lãi: 20.416.904 đồng;

- Nợ thẻ tín dụng: 111.728.179 đồng.

Tại bản **T1** khai gửi Tòa án trước ngày xét xử, đại diện Ngân hàng trình bày: **Ngân hàng TMCP V (V2)** yêu cầu Tòa án buộc anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** phải trả cho **Ngân hàng V** cả hai khoản vay số tiền gốc và tiền lãi hiện còn nợ đến ngày 28/6/2024 là **228.164.873 đ** (Hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm bảy ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 72.328.003 đồng;

- Nợ lãi: 32.373.873 đồng;

- Nợ thẻ tín dụng: 123.462.997 đồng.

Yêu cầu Tòa án tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày thực tế anh **H**, chị **M** thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Trường hợp anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe Ô tô nhãn hiệu TERACO, số máy 4G13S1MAMTS00344, số khung RM0BH17GLLC000151, biển kiểm soát 29H – 433.11 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 735039 do phòng CSGT giao thông công an thành phố H cấp ngày 29/9/2020 và các phụ tùng thiết bị. vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** để trả nợ cho ngân hàng.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông **H**, bà **M** vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi khoản nợ được tất toán.

Tại bản tự khai của anh **H** ngày 11/6/2024 và trình bày tại phiên tòa, anh **H**, chị **M** trình bày:

Vợ, chồng anh có vay của **Ngân hàng TMCP V** hai khoản tiền.

+ Khoản thứ nhất là hợp đồng tín dụng số: LN2009242819916 với số tiền 160.768.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu bảy trăm sáu mươi tám đồng), lãi suất trong hạn là 8.99% năm, lãi suất cố định trong hạn 12 tháng; lãi quá hạn là 150% của lãi suất trong hạn, thời hạn vay 60 tháng.

+ Khoản thứ hai: Hợp đồng thế tín dụng số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Do dịch Covid 19 trong hoạt động ngành nghề của anh **H** bị cấm tổ chức dài hạn tại khu vực nội thành Hà Nội. Hiện nay, anh **H** không có điều kiện và khả năng trả tiền nợ cho Ngân hàng, đặc biệt sau dịch anh **H** không thể duy trì ngành nghề nên không có doanh thu.

Đến nay, vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng với số tiền khoảng hơn 200.000.000 đồng, anh **H**, chị **M** mong phía Ngân hàng tạo điều kiện như sau:

- + Đề nghị phía Ngân hàng tạo điều kiện để anh **H** có thể tiếp tục trả góp.
- + Chia khoản nợ trên thành 04 đợt thanh toán, thời hạn 01 năm.
- + Trả lại tài sản thế chấp là ô tô và tiếp tục trả góp thế tín dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện VKS đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng cho đến khi trả nợ xong.

Về án phí: Buộc anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện

chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

Đề thế chấp cho các khoản vay, anh **H**, chị **M** đã thế chấp Trường hợp anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là 01 xe Ô tô nhãn hiệu TERACO, số máy 4G13S1MAMTS00344, số khung RM0BH17GLLC000151, biển kiểm soát 29H – 433.11 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 735039 do phòng CSGT giao thông **công an thành phố H** cấp ngày 29/9/2020 và các phụ tùng thiết bị. vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** để trả nợ cho ngân hàng.

Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông **H**, bà **M** vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi khoản nợ được tất toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: **Ngân hàng TMCP V** và anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** đang tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” do anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là **B**) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa**, nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành.

Anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng do anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** không có mặt tại các buổi hòa giải, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bên tiến hành giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, hình thức và nội dung của các hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, các hợp đồng mà ngân hàng **Việt Nam T** và anh **Bùi Văn H**, chị **Lê Thị M** có giá trị pháp lý và bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng hợp đồng.

[3] Theo Hợp đồng tín dụng số: LN2009242819916 ngày 30/9/2020; Hợp đồng vay thế tín dụng số 235 - P - 730293 ngày 28/9/2017, HĐXX thấy: Nội dung của các hợp đồng thể hiện rõ về sự thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay. Nguyên đơn đã giao đủ tiền cho phía anh **H** và chị **M**. Anh **H** và chị **M** đã để nợ quá hạn kéo dài từ ngày 10/3/2023 đến nay không thanh toán tiền gốc và tiền lãi, như vậy anh **H** và chị **M** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh **H** và chị **M** nhưng anh **H** và chị **M** không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Đến ngày 11/6/2024 anh **H** có bản tự khai công nhận hiện nay đang còn nợ ngân hàng như yêu cầu của ngân hàng đã trình bày. Do đó, nguyên đơn yêu cầu anh **H** và chị **M** phải

trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 28/6/2024 là: **228.164.873 đ** (Hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm bảy ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc: 72.328.003 đồng;
- Nợ lãi: 32.373.873 đồng;
- Nợ thế tín dụng: 123.462.997 đồng.

Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến ngày anh **H** và chị **M** thanh toán hết nợ cho nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Đối với Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2009242819916 ngày 30/9/2020: Để đảm bảo khoản nợ vay, anh **H** và chị **M** có ký hợp đồng thế chấp động sản để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ là 01 xe Ô tô nhãn hiệu TERACO, số máy 4G13S1MAMTS00344, số khung RM0BH17GLLC000151, biển kiểm soát 29H – 433.11 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 735039 do phòng CSGT giao thông **công an thành phố H** cấp ngày 29/9/2020. HĐXX thấy: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN2009242819916 ngày 30/9/2020 được công chứng theo quy định của pháp luật và đã được anh **H**, chị **M** ký kết trên cơ sở tự nguyện. Do đó trường hợp sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh **H**, chị **M** không thanh toán được toàn bộ nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp và các phụ tùng thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** để thu hồi nợ cho nguyên đơn là đúng với hợp đồng thế chấp và phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp số tiền phát mại tài sản không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông **H**, bà **M** vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi khoản nợ được tất toán là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền là 11.408.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng). Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và 212 Khoản 1 Điều 6, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường Vụ Quốc hội Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 280, 292, 295, 299, 317, 318, 319, 320, khoản 7 Điều 323, khoản 1 Điều 351, Điều 365, Điều 368, Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc **Ngân hàng N**); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 1 Điều 6, điểm b, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP V**.

2. Buộc anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** phải trả cho **Ngân hàng TMCP V** tổng số tiền nợ là: **228.164.873 đ (Hai trăm hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm bảy ba đồng)**, trong đó:

- Nợ gốc: 72.328.003 đồng;

- Nợ lãi: 32.373.873 đồng;

- Nợ thẻ tín dụng: 123.462.997 đồng.

Kể từ ngày 28/06/2024, anh **H** và chị **M** còn phải tiếp tục thanh toán cho **Ngân hàng TMCP V** khoản tiền lãi theo các hợp đồng mà các bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong nợ cho **Ngân hàng TMCP V**.

3. Trường hợp anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ của mình thì phía **Ngân hàng TMCP V** có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành phát mãi tài sản thế chấp là 01 xe Ô tô nhãn hiệu TERACO, số máy 4G13S1MAMTS00344, số khung RM0BH17GLLC000151, biển kiểm soát 29H – 433.11 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 735039 do phòng CSGT giao thông **công an thành phố H** cấp ngày 29/9/2020 và các phụ tùng thiết bị, vật phụ ... được lắp thêm, thay thế vào tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của anh **Bùi Văn H**, chị **Lê Thị M** để thu hồi nợ cho **Ngân hàng TMCP V** theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

- Anh **Bùi Văn H** và chị **Lê Thị M** phải chịu **11.408.000 đồng (Mười một triệu bốn trăm linh tám nghìn đồng)** tiền án phí DSST.

- Trả lại cho **Ngân hàng TMCP V** số tiền là **5.100.000 đồng (Năm triệu một trăm nghìn đồng)** tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0002228 ngày 12/01/2024 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Tuấn